

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152 /NV

V/v thi thăng hạng chức danh
nghề nghiệp giáo viên phổ thông
công lập từ hạng II lên hạng I

Quận 12, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở công lập;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

Căn cứ Công văn số 1141/NGCBQLGD-HĐTTH ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018;

Thực hiện Công văn số 2964/SNV-CCVC ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I;

Phòng Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở công lập, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân Quận 12 thông báo cho thí sinh dự thi của đơn vị mình về thời gian, địa điểm, nội dung thi và danh mục tài liệu tham khảo phục vụ kỳ thi theo nội dung chi tiết tại Công văn số 1141/NGCBQLGD-HĐTTH ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo cử 01 chuyên viên làm đầu mối phối hợp về việc tổ chức kỳ thi và gửi thông tin của chuyên viên đầu mối (họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại cá nhân, địa chỉ email) về Phòng Nội vụ tổng hợp gửi Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018.

(Đính kèm Công văn số 1141/NGCBQLGD-HĐTTH ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục)

Phòng Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Hì.

TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Thị Kiều Nhi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN

DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN THCS HẠNG II LÊN GIÁO VIÊN THCS HẠNG I NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ hàng hoặc ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số CDN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo TCCD nghề nghiệp hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Lai Hồng Huy	18/01/1979		Giáo viên	Trường THCS An Phú Đông	10 năm	3,99	15a.201	DHSP		TC	DH	x	x		CSTD CS
2	Dỗ Thị Thu Lương		15/12/1980	Giáo viên	Trường THCS An Phú Đông	9 năm	3,99	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS
3	Dinh Thị Hồng Liên		20/10/1986	Giáo viên	Trường THCS An Phú Đông	7 năm	3,33	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS
4	Liễu Thị Thanh Trang		01/06/1982	Giáo viên	Trường THCS An Phú Đông	10 năm	3,33	15a.201	Dại học Anh		A	B2		x		CSTD CS
5	Nguyễn Thị Mỹ Dung		23/06/0984	Giáo viên	Trường THCS An Phú Đông	5 năm	2,67	15a.201	Dại học Anh		A	B2		x		CSTD CS
6	Châu Thị Trường Thanh		09/11/1978	Giáo viên	Trường THCS Lương Thế Vinh	14 năm	3,99	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS
7	Nguyễn Chính Thành	25/5/1979		Giáo viên	Trường THCS Lương Thế Vinh	10 năm	3,33	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ hạng hoặc ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo TCCD nghề nghiệp hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
8	Nguyễn Đăng Túy	23/5/1984		Giáo viên	Trường THCS Lương Thế Vinh	8 năm	3,00	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	GVG
9	Hoàng Thị Vân Anh		07/10/1980	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn An Ninh	5 năm	3,66	15a.201	DHSP Anh		B	B2		x		GVG
10	Kiều Lê Công Sơn	22/09/1981		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn An Ninh	11 năm	3,33	15a.201	Thạc sĩ		Dại học	DH Anh	x	x		GVG
11	Hứa Thị Mộng Trinh		25/12/1967	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Huệ	13 năm	4,32	15a.201	DHSP Anh		A	DHSP Anh			Tiếng Anh	CSTD CS
12	Ngô Thị Kim Hương		19/05/1975	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	13 năm	4,32	15a.201	DHSP Anh		A	DHSP Nga	x			CSTD CS
13	Đỗ Thị Hiền		05/08/1978	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	9 năm	3,00	15a.201	DHSP Anh		B	DHSP Anh			Tiếng Anh	CSTD CS
14	Nguyễn Tôn Kính	01/03/1968		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	11 năm	4,65	15a.201	DHSP Anh		A	B2		x		CSTD CS
15	Hồ Lê Hoàng Dũng	24/08/1986		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	7 năm	3,00	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS
16	Mai Thị Việt Hương		28/12/1978	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	9 năm	3,66	15a.201	DHSP		A	C			Tiếng Anh	CSTD CS
17	Lại Thị Bạch Hường		15/11/1975	Hiệu trưởng	Trường Bồi dưỡng giáo dục	12 năm	4,65	15a.201	Thạc sĩ		A	B1			Tiếng Anh	CSTD CS
18	Phạm Thị Hoàn		18/09/1978	Phó Giám đốc	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp	18 năm	3,99	15a.201	DHSP		Cao đẳng	B1	x		Tiếng Anh	CSTD CS

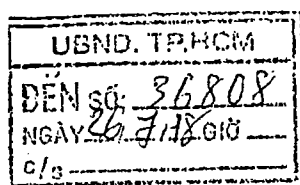
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ
QUẢN LÝ GIÁO DỤC
**HỘI ĐỒNG THI THẮNG HẠNG
CDNN GIÁO VIÊN NĂM 2018**

CỘNG HÒA - XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2018

Số: 1141/NGCBQLGD-HĐTTH
Về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN
giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018



Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 6/3/2018 về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018, Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thi) thông báo như sau:

1. Địa điểm tổ chức thi và danh sách giáo viên đủ điều kiện dự thi tại các cụm thi

a) Địa điểm tổ chức và đối tượng dự thi

TT	Cụm thi	Đối tượng dự thi
I	Đối với giáo viên cấp THPT	
1	Cụm thi tại trường ĐHSP Hà Nội	Giáo viên THPT đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh/TP trong toàn quốc
II	Đối với giáo viên cấp THCS	
1	Cụm thi số 1: tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn thành phố Hà Nội
2	Cụm thi số 2: tại trường ĐHSP Hà Nội 2	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh/TP gồm: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh (7 tỉnh/TP)
3	Cụm thi số 3: tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh/TP gồm: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Hà Giang, Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Dương, Thái Nguyên (14 tỉnh/TP).
4	Cụm thi số 4: tại trường Đại học Vinh	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh (3 tỉnh).

TT	Cụm thi	Đối tượng dự thi
5	Cụm thi số 5: tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh/TP gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk (10 tỉnh/TP).
6	Cụm thi số 6: tại trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Giáo viên THCS đủ điều kiện dự thi trên địa bàn các tỉnh/TP gồm: Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang (15 tỉnh/TP)

** Ghi chú: những tỉnh/TP không có tên trong cột "đối tượng dự thi" là những địa phương không có văn bản cử giáo viên dự thi.*

b) Danh sách giáo viên đủ điều kiện dự thi: Trên cơ sở quyết định công nhận danh sách giáo viên đủ điều kiện dự thi, Hội đồng thi sẽ có thông báo tới các UBND tỉnh/thành phố có giáo viên đủ điều kiện dự thi và các cụm thi (chậm nhất trước ngày 20/8/2018).

2. Thời gian tổ chức kỳ thi

a) Thời gian triệu tập giáo viên đủ điều kiện dự thi để làm thủ tục dự thi và hướng dẫn các nội dung liên quan đến kỳ thi.

- **Đối với giáo viên THPT:** tập trung tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 18/8/2018, bắt đầu lúc 8h00'.

- **Đối với giáo viên THCS:** tập trung tại các cụm thi (theo phân bổ cụm thi tại mục 1 nêu trên) ngày 25/8/2018, bắt đầu lúc 8h00'.

** Lưu ý: Đối với những giáo viên ở xa hoặc do điều kiện gia đình, công việc không thể thu xếp tham gia buổi triệu tập theo lịch nêu trên, giáo viên chủ động trao đổi với cán bộ đầu mối của địa phương hoặc cán bộ đầu mối của cụm thi để được hướng dẫn chi tiết.*

b) Thời gian tổ chức thi: từ ngày 29/9/2018 đến ngày 3/10/2018 (từ thứ 7 đến thứ 4; đối với những cụm thi có số lượng giáo viên dự thi đông, thời gian kết thúc có thể muộn hơn từ 1-2 ngày); khai mạc kỳ thi vào 8h00' ngày 29/9/2018 (thứ 7); xem danh sách giáo viên dự thi theo số báo danh và sơ đồ phòng thi trong ngày 28/9/2018.

3. Hướng dẫn nội dung thi và danh mục tài liệu tham khảo phục vụ kỳ thi: Phụ lục đính kèm văn bản này.

4. Lệ phí thi

a) Lệ phí thi đối với mỗi giáo viên dự thi được thu theo quy định của Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công, viên chức. Mức thu cụ thể như sau:

Phí dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I			
1	- Dưới 50 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	1.400.000
2	- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	1.300.000
3	- Từ 100 thí sinh trở lên	Đồng/thí sinh/lần	1.200.000

b) Hội đồng thi ủy quyền cho các trường nơi đặt cụm thi tổ chức thu, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán phí dự thi theo quy định. Giáo viên dự thi sẽ nộp lệ phí dự thi tại các Trường vào thời điểm đến làm thủ tục dự thi (theo lịch triệu tập giáo viên đủ điều kiện dự thi đã thông báo ở mục 2 nêu trên).

5. Trách nhiệm của các đơn vị và cơ chế phối hợp tổ chức kỳ thi

5.1 Các cơ quan, đơn vị có giáo viên đủ điều kiện dự thi có trách nhiệm bố trí, tạo điều kiện cho giáo viên về thời gian, công việc và tài chính theo quy định hiện hành, khuyến khích hỗ trợ thêm (nếu có) để động viên giáo viên tham dự thi.

5.2 Mỗi địa phương cử ít nhất 01 cán bộ đầu mối phối hợp với Hội đồng thi trong công tác tổ chức kỳ thi; lập danh sách và cung cấp thông tin cán bộ đầu mối (họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại cá nhân, đ/c email) về Hội đồng thi trước ngày 10/8/2018.

5.3 Cán bộ đầu mối có trách nhiệm thông tin, liên lạc, thông báo các hướng dẫn của Hội đồng thi tới giáo viên dự thi trên địa bàn kịp thời và báo cáo lãnh đạo đơn vị về các vướng mắc của giáo viên (nếu có) trong quá trình tham dự kỳ thi để hỗ trợ giáo viên giải quyết.

5.4 Danh sách liên hệ với Hội đồng thi:

- Cơ quan thường trực của Hội đồng thi: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Tòa nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; Cán bộ đầu mối: Bà Nguyễn Thị Hương, CVC phòng Chính sách NGCB, ĐT: 043.6230503/0939.412888, email: nguyenhuong@moet.gov.vn.

- Cụm thi số 1: Ông Vương Huy Thọ - Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo - BDTX, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, SĐT: 0243.7547823 (máy lẻ 606)/0913.317569, email: thovh@hunu.edu.vn.

- Cụm thi số 2: Ông Nguyễn Huy Hưng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, SĐT: 02113863205/0988871071, email: nguyenhuyhung@hpu2.edu.vn.

- Cụm thi số 3: Bà Đỗ Thùy Chi, Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, SĐT: 02083754386/0989.200314, email: dothuychi@dhsptn.edu.vn.

- Cụm thi số 4: Ông Hà Văn Ba, Thư kí Hội đồng trường, Trường Đại học Vinh, SĐT: 0383551345/0986.314678, địa chỉ email: bahv@vinhuni.edu.vn.

- Cụm thi số 5: Ông Trịnh Thế Anh, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, SĐT: 0236.3841323-máy lẻ 116/0983556083, email: ttanh@ued.udn.vn.

- Cụm thi số 6: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, SĐT: 02838352020/0908998634, email: bichntn@hcmup.edu.vn.

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương có giáo viên đủ điều kiện dự thi thông báo, bố trí, sắp xếp, tạo điều kiện cho giáo viên tham dự kỳ thi đầy đủ, đúng quy định.

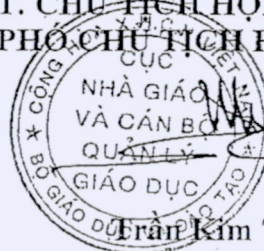
Chi tiết liên hệ về Hội đồng thi qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Tòa nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; Bà Nguyễn Thị Hương, CVC phòng Chính sách NGCB, Điện thoại: 043.6230503/0939.412888, email: nguyenhuong@moet.gov.vn.

Trân trọng./.

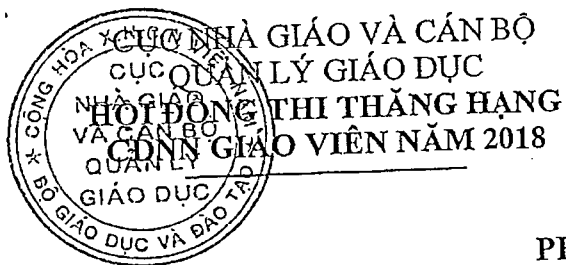
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Công thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT;
- Các sở GD&ĐT (để t/h);
- Các cụm thi (để t/h);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Trần Kim Tụ
PHÓ CỤC TRƯỞNG CỤC NHÀ GIÁO
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**



PHỤ LỤC

Hướng dẫn nội dung thi và danh mục tài liệu tham khảo phục vụ
kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ
hạng II lên hạng I năm 2018

(Kèm theo Công văn số 1141/NGCBQLGD-HDĐT ngày 19 tháng 7 năm 2018)

I. Nội dung, hình thức thi

1. Các môn thi, nội dung và hình thức thi

Giáo viên tham dự các môn thi theo hướng dẫn tại mục 3. Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 6/3/2018. Giáo viên dự thi đủ 4 môn thi (trừ những trường hợp được miễn thi tin học, ngoại ngữ theo quy định), bao gồm:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Nội dung thi
1	Kiến thức chung	Tự luận (đề thi ra theo hướng mở, giáo viên dự thi được phép sử dụng tài liệu để làm bài thi).	150 phút.	Thực hiện theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT.
2	Chuyên môn nghiệp vụ	Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp	- Thuyết trình: tối đa 15 phút/giáo viên dự thi. - Phỏng vấn trực tiếp: tối đa 15 phút/giáo viên dự thi.	
3	Tin học	Trắc nghiệm	45 phút	
4	Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	45 phút	

2. Hướng dẫn đối với môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Trước khi thi: Giáo viên chuẩn bị trước 01 báo cáo về kết quả dạy học và giáo dục học sinh hoặc kết quả công tác quản lý, chỉ đạo (đối với giáo viên làm công tác quản lý) trong vòng 05 năm từ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I. Một số yêu cầu cụ thể đối với báo cáo như sau:

- Dung lượng báo cáo: Tối đa không quá 05 trang, khổ giấy A4, được đánh máy theo font chữ Time New Roman, cỡ chữ 14.
- Mẫu báo cáo như sau:

BÁO CÁO

**Kết quả dạy học và giáo dục học sinh (hoặc công tác quản lý, chỉ đạo đối với
giáo viên làm công tác quản lý)**

**(Phục vụ kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ
hạng II lên hạng I năm 2018)**

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Chức vụ hiện giữ:

Chuyên môn giảng dạy:

**I. Kết quả dạy học và giáo dục học sinh (hoặc công tác quản lý, chỉ đạo) từ khi
được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II cho đến thời
điểm đăng ký dự thi thăng hạng I**

**II. Định hướng về kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh (hoặc công tác quản
lý, chỉ đạo) trong thời gian tới nếu được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp
giáo viên hạng I**

**III. Kiến nghị, đề xuất (nếu có) đối với cơ quan quản lý nhằm nâng cao chất
lượng đội ngũ giáo viên hạng I**

b) Tại buổi thi:

- Khi được gọi vào thi, giáo viên dự thi mang theo báo cáo đã chuẩn bị trước vào phòng thi, trình bày báo cáo (khuyến khích trình bày trực tiếp, không đọc báo cáo; không sử dụng máy tính để trình chiếu báo cáo) về kết quả dạy học và giáo dục học sinh hoặc kết quả công tác quản lý, chỉ đạo (đối với giáo viên làm công tác quản lý) trong vòng 05 năm từ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I.

Thời gian trình bày báo cáo: tối đa không quá 15 phút/giáo viên.

- Sau khi trình bày báo cáo xong, giáo viên bốc thăm câu hỏi phỏng vấn; chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn (thời gian chuẩn bị tối đa 02 phút/giáo viên). Ngoài câu hỏi do giáo viên bốc thăm, giám thị có thể đặt câu hỏi đối với giáo viên để làm rõ hơn một hoặc một số nội dung trong báo cáo giáo viên đã trình bày.

Các câu hỏi phỏng vấn thuộc Đề thi do Ban đề thi xây dựng. Nội dung của các câu hỏi phỏng vấn xoay quanh các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cấp học/vị trí mà giáo viên đang đảm nhiệm; các giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn giáo dục của cấp học/của ngành/của địa phương/cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II mà giáo

viên đang giữ hoặc của chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I mà giáo viên sẽ được bổ nhiệm vào nếu thi thăng hạng đạt yêu cầu.

Thời gian phỏng vấn của mỗi giáo viên (bao gồm cả thời gian bốc thăm, chuẩn bị và trả lời) tối đa không quá 15 phút/người.

c) Sau khi kết thúc phần thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp, giáo viên nộp lại báo cáo cho giám thị phòng thi để lưu vào hồ sơ.

II. Danh mục tài liệu tham khảo phục vụ kỳ thi

1. Tài liệu tham khảo

Hội đồng thi đã chuẩn bị bộ tài liệu tham khảo dùng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 gồm:

- Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I (Nhà xuất bản Giáo dục, 2017);

- Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng I (Nhà xuất bản Giáo dục, 2017);

- Hệ thống các văn bản QPPL (Tài liệu tham khảo - Lưu hành nội bộ, 2018).

2. Danh mục văn bản liên quan phục vụ kỳ thi

TT	TÊN VĂN BẢN
I	CÁC VĂN BẢN VỀ PHÁP LUẬT VIÊN CHỨC
1	Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ¹
2	Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức
3	Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
4	Nghị định số 41/2012/NĐ-CP 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập
5	Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức
6	Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức
7	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
8	Thông tư liên tịch số 22/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập
9	Thông tư liên tịch số 23/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT công lập
10	Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức
11	Quyết định số 2510/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức

¹ Các văn bản trong mục II từ mục 1 đến mục 7 phạm vi giới hạn là các vấn đề về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

	danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng I
12	Quyết định số 2513/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I
II	CÁC VĂN BẢN VỀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ CẤP HỌC THCS, THPT
1	Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
2	Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/1/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông
3	Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020
4	Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”
5	Luật Giáo dục năm 2005
6	Luật Giáo dục năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2005
7	Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 75/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục
8	Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông
9	Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT
10	Thông tư số 16/2017/TTLT-BGDĐT hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
11	Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học
12	Quyết định 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo
13	Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018 của ngành Giáo dục
14	Chỉ thị 1737/CT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo